TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦN ĐƯỚC** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/L0L0/HNGĐ-ST
Ngày: 06/8/L0L0
V/v ly hôn giữa chị T và anh D.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN ĐƯỚC - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Lê Hữu Lộc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành;

L. Ông Nguyễn Văn Hải;

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Út – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An.

Ngày 06 tháng 8 năm L0L0, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Đước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: AL/L0L0/TLST-HNGĐ ngày L6 tháng 0L năm L0L0 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/L0L0/QĐXXST-HNGĐ ngày L0 tháng A năm L0L0 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 43/L0L0/QĐST-HN ngày L9 tháng A năm L0L0 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị N T T, sinh năm: 1986;

HKTT: Số 99/8 Đường P, Phường T, Quận A, M.

Chổ ở hiện nay: 30/5 Khu phố L, Đường M, Phường P, Quận A, M.

L. Bị đơn: Anh V D, sinh năm: 1985;

Địa chỉ: Ấp Tây, xã Long Hựu Tây, huyện Cần Đước, tỉnh Long An.

(Chị T có mặt, anh D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/0L/L0L0 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị N T T trình bày: Chị và anh D cưới nhau ngày LA/10/L00A, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường T, Quận A, M ngày 04/10/L00A, hôn nhân tự nguyện. Thời gian đầu sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng dần phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh D sống không chung thủy dẫn đến thường xuyên cãi vã. Vợ chồng ly thân tháng 01/L019 đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn được nữa nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh D.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

- Đối với bị đơn anh V D: Đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công

khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh D vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị N T T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh V D. Anh D là bị đơn hiện đang cư trú tại xã Long Hựu Tây, huyện Cần Đước, tỉnh Long An. Căn cứ vào Điều L8, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm L015 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm L014, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Đước.

[L] Bị đơn anh V D được Tòa án nhân dân huyện Cần Đước tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh D vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh D theo quy định khoản 1 Điều LLA của Bộ luật Tố tụng dân sự năm L015.

[3] Về hôn nhân: Chị N T T và anh V D tổ chức lễ cưới ngày LA/10/L00A, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường T, Quận A, M theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 136/L00A ngày 04/10/L00A do tự nguyện là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Chị T trình bày nguyên nhân là do anh D sống không chung thủy dẫn đến thường xuyên cãi vã. Vợ chồng ly thân tháng 01/L019 đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn được nữa nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh D. Đối với anh D, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng triệu tập anh D nhưng anh D không tham gia giải quyết vụ án, chứng tỏ anh D không muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình. Do đó, chị T yêu cầu ly hôn với anh D là có cơ sở để chấp nhận theo Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm L014.

[4] Về con chung: Không có;

[5] Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị N T T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo Điều 14A Bộ luật tố tụng dân sự năm L015 và Điều LA Nghị quyết số 3L6/L016/UBTVQH14 ngày 30/1L/L016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều L8, 35, 39, 14A, khoản 1 Điều LLA, Điều L66 và Điều LA3 Bộ luật tố tụng dân sự năm L015; Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm L014; Điều LA Nghị quyết số 3L6/L016/UBTVQH14 ngày 30/1L/L016 của

Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn chị N T T đối với bị đơn anh V D.

[1] Về hôn nhân: Chị N T T được ly hôn với anh V D.

[L] Về án phí: Chị N T T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai số 0008L81 ngày L5 tháng 0L năm L0L0 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Đước, chị T đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều L Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, A và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Long An;
-VKSND huyện Cần Đước;
-THA huyện Cần Đước;
-UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
-Lưu hồ sơ, lưu án văn;
-Các đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Hữu Lộc